

TỔ CHỨC DẠY HỌC KIỂU BÀI LÍ THUYẾT PHÂN MÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU THEO CHƯƠNG TRÌNH HIỆN HÀNH

Lê Văn Đăng
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Việc tổ chức dạy học môn Tiếng Việt nói chung, phân môn Luyện từ và câu ở tiểu học nói riêng theo chương trình hiện hành cho đến nay không còn là vấn đề mới. Sau nhiều năm thực hiện, thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt nói chung, phân môn Luyện từ và câu đã đạt được những kết quả tích cực. Song, so với các phân môn khác của môn Tiếng Việt, phân môn Luyện từ và câu cần tiếp tục nghiên cứu để đạt được hiệu quả dạy học cao trong thực tiễn dạy học cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học sau khi ra trường. Quá trình tổ chức dạy học kiểu bài lí thuyết phân môn Luyện từ và câu chương trình hiện hành vẫn còn là đề tài hấp dẫn, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những quan điểm khác nhau. Với mục đích nhằm nâng cao hiệu quả dạy học phân môn Luyện từ và câu, chúng ta cần thảo luận sâu sắc để có được những bài dạy đạt hiệu quả thực sự như mong muốn.

Từ khóa: Tổ chức dạy học phân môn Luyện từ và câu, Quy trình dạy học kiểu bài lí thuyết phân

1. MỞ ĐẦU

Sau nhiều năm thực hiện chương trình hiện hành, thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt nói chung, phân môn Luyện từ và câu nói riêng ở trường tiểu học đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy, về cơ bản, giáo viên đã tổ chức dạy học hiệu quả các phân môn của môn Tiếng Việt, tuy nhiên, hiệu quả dạy học của các phân môn là không giống nhau. Điều đó phản ánh tính tất yếu của quá trình dạy học nói chung, quá trình dạy học môn Tiếng Việt nói riêng, trong đó có phân môn Luyện từ và câu.

Qua thực tế, chúng tôi nhận thấy, so với việc dạy học các phân môn khác của môn Tiếng Việt, phân môn Luyện từ và câu giáo viên và học sinh thường gặp nhiều khó khăn hơn: giáo viên và học sinh ít có hứng thú khi dạy – học phân môn Luyện từ và câu, việc tổ chức giờ học Luyện từ và câu của giáo viên còn đơn điệu, chưa nắm chắc quy trình dạy học phân môn Luyện từ và câu, nhất là giờ học lí thuyết, học sinh chưa thực sự tự giác và tích cực trong giờ học Luyện từ và câu. Điều này, ít nhiều làm cho hiệu quả dạy học phân môn Luyện từ và câu chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Để dạy học tốt bất cứ chương trình giáo dục nào, bất cứ phân môn nào của môn Tiếng Việt, chúng tôi cho rằng lực lượng giáo viên trực tiếp giảng dạy là yếu tố quyết định đến chất lượng dạy học đạt ra. Vì vậy, việc trang bị cho giáo viên những điều kiện cần thiết về kiến thức, kĩ năng để làm tốt công tác chuyên môn, làm cho họ hiểu được những điểm cốt lõi của môn học, của phân môn, trong đó có phân môn Luyện từ và câu, đặc biệt quy trình dạy học là việc làm hết sức cần thiết giúp họ tổ chức dạy học phân môn Luyện từ và câu đạt hiệu quả cao nhất.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Chương trình dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học

Trong chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học, lớp 1 chưa có tiết học phân môn Luyện từ và câu, lớp 2, lớp 3 mỗi tuần có một tiết Luyện từ và câu, lớp 4, lớp 5 có hai tiết mỗi tuần (chưa kể tuần ôn tập).

Phân môn Luyện từ và câu ở tiểu học có nhiệm vụ làm giàu vốn từ cho học sinh và trang bị cho các em một số kiến thức về từ và câu. Ở lớp 2, lớp 3 chỉ trình bày các kiến thức học sinh cần làm quen và nhận biết chúng qua các bài tập thực hành.

Ở lớp 4, lớp 5 cùng với loại bài thực hành, các kiến thức lí thuyết được học thành tiết học riêng, đó là các nội dung như từ, cấu tạo từ, biện pháp tu từ, các lớp từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, từ loại, câu, các kiểu câu, thành phần câu, dấu câu, biện pháp liên kết câu. Ngoài ra chương trình cung cấp cho học sinh một số kiến thức ngữ âm – chính tả như tiếng, cấu tạo tiếng.

Những nội dung trên được phân bố theo các lớp như sau:

** Về vốn từ:*

Nội dung vốn từ cung cấp cho học sinh: Ngoài các từ ngữ được dạy qua bài chính tả, tập đọc, tập viết,... học sinh được cung cấp vốn từ một cách có hệ thống theo từng chủ đề.

Chương trình xác định vốn từ cần cung cấp cho học sinh đó là: những từ ngữ thông dụng tối thiểu về thế giới xung quanh như công việc của học sinh ở trường, ở nhà; tình cảm gia đình và vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, những phẩm chất và hoạt động của con người...

Những từ ngữ được dạy ở tiểu học gắn với việc giáo dục học sinh tình yêu gia đình, nhà trường, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động,... Chúng làm giàu nhận thức, mở rộng tầm mắt của học sinh, giúp các em nhận thấy vẻ đẹp của đất nước, con người.

- Lớp 2:

Học sinh học thêm khoảng 300 – 350 từ ngữ theo các chủ đề: học tập, ngày, tháng, năm; đồ dùng học tập; họ hàng, đồ dùng và công việc trong nhà; tình cảm, công việc gia đình; tình cảm gia đình; vật nuôi; các mùa, thời tiết, chim chóc, các loài chim; muông thú, loài thú; sông biển; cây cối; Bác Hồ; nghề nghiệp.

Ngoài ra, còn có các chủ đề mở rộng vốn từ theo ý nghĩa khái quát của từ (từ loại) ở các bài như: từ chỉ sự vật; từ chỉ hoạt động, trạng thái; từ chỉ đặc điểm; từ chỉ tính chất. Và có một số bài về lớp từ: từ trái nghĩa.

- Lớp 3:

Học sinh học thêm khoảng 400 – 450 từ ngữ theo các chủ đề: thiếu nhi; gia đình; trường học; cộng đồng; quê hương; các dân tộc; thành thị, nông thôn; Tổ quốc; sáng tạo; nghệ thuật; lễ hội; thể thao; các nước; thiên nhiên.

Ngoài ra, vốn từ còn được mở rộng qua các bài ôn tập về từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, trạng thái, từ chỉ đặc điểm, tính chất và một số bài về lớp từ địa phương.

- Lớp 4:

Học sinh học thêm khoảng 500 – 550 từ ngữ theo các chủ đề: nhân dân, đoàn kết; trung thực, tự trọng; ước mơ, ý chí, nghị lực; trò chơi, đồ chơi; tài năng, sức khỏe, cái đẹp, dũng cảm, khám phá, phát minh; du lịch, thám hiểm; lạc quan.

- Lớp 5:

Học sinh học thêm khoảng 600 – 650 từ ngữ theo các chủ đề: Tổ quốc, nhân dân; hòa bình, hữu nghị, hợp tác; thiên nhiên; bảo vệ môi trường; hạnh phúc; công dân; trật tự, an ninh; truyền thống; nam và nữ; trẻ em, quyền và bổn phận.

** Các mạch kiến thức và kĩ năng về từ và câu:*

- Lớp 2:

+ Từ và câu;

+ Các lớp từ: Từ trái nghĩa;

+ Từ loại: Từ chỉ sự vật, từ chỉ hoạt động, trạng thái, từ chỉ đặc điểm, tính chất;

+ Các kiểu câu: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào? Khẳng định, phủ định;

+ Cấu tạo câu: Đặt, trả lời câu hỏi “khi nào?”; đặt, trả lời câu hỏi “ở đâu?”; đặt, trả lời câu hỏi “như thế nào?”; đặt, trả lời câu hỏi “vì sao?”; đặt, trả lời câu hỏi “để làm gì?”;

+ Dấu câu: Dấu chấm hỏi, dấu phẩy, dấu chấm than, dấu chấm;

+ Ngữ âm – chính tả: Tên riêng và cách viết tên riêng.

- Lớp 3:

+ Các lớp từ: Từ địa phương (1 bài);

+ Từ loại: Ôn tập về từ chỉ sự vật, ôn tập về từ chỉ trạng thái, ôn tập về từ chỉ đặc điểm;

+ Biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa;

+ Các kiểu câu: Ôn tập về câu *Ai là gì?*, ôn tập về câu *Ai thế nào?*, ôn tập về câu *Ai làm gì?*;

+ Cấu tạo câu: Ôn tập về cách đặt và trả lời câu hỏi “khi nào?”, ôn tập về cách đặt và trả lời câu hỏi “ở đâu?”, ôn tập về cách đặt và trả lời câu hỏi “vì sao?”, ôn tập về cách đặt và trả lời câu hỏi “bằng gì?”;

+ Dấu câu: Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu hai chấm.

- Lớp 4:

+ Cấu tạo từ: Từ đơn, từ phức, từ ghép, từ láy;

+ Từ loại: Danh từ, danh từ chung, danh từ riêng, động từ, tính từ;

+ Các kiểu câu (xét theo mục đích nói): Câu hỏi và dấu chấm hỏi, dùng câu hỏi với mục đích khác, giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi; câu kể, câu kể *Ai làm gì?*, câu kể *Ai thế nào?*, câu kể *Ai làm gì?*; câu khiến, cách đặt câu khiến, giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu; câu cảm;

+ Cấu tạo câu: Vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì?*, chủ ngữ trong câu kể *Ai làm gì?*, vị ngữ trong câu kể *Ai thế nào?*, chủ ngữ trong câu kể *Ai thế nào?*, vị ngữ trong câu kể *Ai là gì?*, chủ ngữ trong câu kể *Ai là gì?*; thêm trạng ngữ cho câu, thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu, thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho câu, thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu, thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu, thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.

+ Dấu câu: Dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu chấm hỏi, dấu gạch ngang;

+ Ngữ âm – chính tả: cấu tạo tiếng; cách viết tên người, tên địa lí Việt Nam; cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài; cách viết tên cơ quan, tổ chức, giải thưởng, danh hiệu, huân chương.

- Lớp 5:

+ Các lớp từ: Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, dùng từ đồng âm chơi chữ, từ nhiều nghĩa;

+ Cấu tạo từ: Ôn tập về từ và cấu tạo từ;

+ Từ loại: Đại từ, đại từ xưng hô, quan hệ từ, luyện tập về quan hệ từ, ôn tập về từ loại;

+ Kiểu câu: Ôn tập về câu, câu ghép, cách nối các vế câu ghép, nối các vế câu ghép bằng quan hệ từ, nối các vế câu ghép bằng cặp từ hô ứng;

+ Dấu câu: Ôn tập về dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than), ôn tập về dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang;

+ Liên kết câu: Liên kết các câu trong bài bằng phép lặp từ ngữ, liên kết các câu trong bài bằng phép thay thế từ ngữ, liên kết bằng phép nối.

Từ việc tìm hiểu các mạch kiến thức chương trình phân môn Luyện từ và câu trên, chúng ta nhận thấy:

- Các kiến thức về từ và câu trong chương trình hiện hành được trình bày theo một hệ thống theo trật tự phù hợp với đặc điểm tư duy của học sinh tiểu học.

- Việc cung cấp các kiến thức về từ và câu chỉ dừng lại ở mức độ cơ bản, khái quát và sơ giản mang tính chất tiền đề nhằm trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về từ và câu nhằm giúp học sinh thực hiện hoạt động giao tiếp.

- Việc cung cấp các kiến thức cơ bản về từ và câu được nâng cao dần theo các lớp, phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Ở lớp 2, lớp 3 các kiến thức này chủ yếu mang tính chất nhận diện những hiện tượng điển hình về từ và câu trong hoạt động giao tiếp lứa tuổi. Lớp 4, lớp 5 các mạch kiến thức về từ và câu được trình bày có hệ thống và mang tính chất khái quát cao.

- Ở lớp 2 và lớp 3 chú trọng cung cấp cho học sinh các kiến thức về từ, các kiến thức về câu chỉ đề cập ở mức độ đơn giản. Lớp 4, lớp 5 các kiến thức về câu được chú trọng, các kiến thức về từ được cung cấp có hệ thống và mang tính khái quát cao hơn.

2.2. Các kiểu bài học phân môn Luyện từ và câu trong sách giáo khoa Tiếng Việt chương trình hiện hành

Phần lớn các bài học phân môn Luyện từ và câu trong sách giáo khoa được cấu thành một tổ hợp bài tập. Đó là toàn bộ các bài học Luyện từ và câu ở lớp 2, 3 và các bài luyện tập, ôn tập Luyện từ và câu ở các lớp 4, 5. Ngoài ra, ở lớp 4, lớp 5 còn có bài lí thuyết về từ và câu.

- Bài Luyện từ và câu lớp 2, 3 trong sách giáo khoa được ghi tên theo phân môn, còn các tên bài

chỉ được ghi ở phần mục lục. Hầu hết các bài Luyện từ và câu ở lớp 2, 3 bao gồm cả nhiệm vụ luyện từ và luyện câu. Ở lớp 4, 5 các bài đã tách thành những bài luyện từ và luyện câu riêng.

- Các bài học theo mạch kiến thức từ, câu có thể chia thành hai kiểu: Bài lí thuyết và bài luyện tập.

+ Những bài được xem là bài lí thuyết về từ và câu ở lớp 4, 5 là những bài được đặt theo tên một mạch kiến thức và có phần ghi nhớ được đóng khung. Bài lí thuyết về từ và câu gồm có ba phần: Phần “nhận xét” đưa ngữ liệu chứa hiện tượng cần nghiên cứu và hệ thống câu hỏi giúp học sinh nhận xét, phân tích để tìm hiểu nội dung bài học, giúp học sinh rút ra được những nội dung của phần ghi nhớ. Phần “ghi nhớ” tóm lược những kiến thức và quy tắc của bài học. Phần “Luyện tập” là một tổ hợp bài tập nhằm vận dụng kiến thức đã học vào trong hoạt động nói, viết.

+ Bài luyện tập là những bài có tên gọi “Luyện tập” chỉ gồm các bài tập nhưng cũng có khi thêm những nội dung kiến thức mới, ví dụ kiến thức về các tiểu loại danh từ ở bài luyện tập về danh từ, kiến thức về các kiểu từ ghép trong bài luyện tập về từ ghép.

+ Bài ôn tập và kiểm tra là nhóm bài có tên gọi “Ôn tập” và các bài có nội dung luyện từ và câu trong tuần ôn tập giữa học kì, cuối học kì và cuối năm.

2.3. Các nhóm dạng bài tập luyện từ và câu trong sách giáo khoa chương trình hiện hành

- Dựa vào nội dung bài học, các bài tập Luyện từ và câu được chia làm hai mảng lớn: Mảng bài tập làm giàu vốn từ và mảng bài tập theo các mạch kiến thức, kĩ năng về từ và câu.

+ Bài tập làm giàu vốn từ được chia làm ba nhóm: Bài tập dạy nghĩa, bài tập hệ thống hóa vốn từ và bài tập dạy sử dụng từ.

+ Bài tập theo các mạch kiến thức, kĩ năng về từ và câu được chia thành các nhóm: Bài tập luyện từ, bài tập luyện câu. Ngoài ra còn có nhóm bài tập về cấu tạo tiếng và quy tắc viết hoa.

- Dựa vào nội dung dạy học: Bài tập luyện từ, bài tập luyện câu.

+ Bài tập luyện từ bao gồm cả bài tập làm giàu vốn từ và bài tập theo các mạch kiến thức, kĩ năng về từ.

+ Bài tập về câu là các bài tập theo các mạch kiến thức, kĩ năng về câu.

- Dựa vào đặc điểm hoạt động của học sinh, các bài tập được chia thành hai mảng lớn: Bài tập có tính chất nhận diện, phân loại, phân tích và những bài tập có tính chất xây dựng tổng hợp.

2.4. Tổ chức dạy bài lí thuyết về từ, câu

2.4.1. Cấu trúc bài lí thuyết Luyện từ và câu

Cấu tạo của bài lí thuyết về từ và câu gồm 3 phần: Nhận xét, ghi nhớ và luyện tập:

- Phần *Nhận xét*: Đưa ra ngữ liệu chứa hiện tượng ngôn ngữ cần nghiên cứu. Đó là những câu thơ, câu văn, bài thơ, bài văn. Phần này có thể trình bày in nghiêng hoặc in đậm. Phần nhận xét có các câu hỏi gợi ý giúp học sinh tìm ra các đặc điểm có tính chất quy luật của hiện tượng ngôn ngữ được khảo sát. Trong mỗi bài, thường có 3 đến 5 câu hỏi được trình bày sau phần ngữ liệu. Giáo viên phải dẫn dắt, gợi mở để học sinh trả lời các câu hỏi này.

- Phần *Ghi nhớ*: Là kết luận được rút ra một cách tự nhiên từ phần nhận xét. Đó cũng chính là nội dung lí thuyết và các quy tắc sử dụng từ, câu cần cung cấp cho học sinh. Học sinh cần ghi nhớ nội dung này. Giáo viên phải có biện pháp dạy học để học sinh không phải học thuộc lòng mà ghi nhớ trên cơ sở những hiểu biết chắc chắn. Ngay khi dạy phần này, giáo viên không nên đi sâu vào giảng giải lí thuyết.

- Phần *Luyện tập*: Là trọng tâm của giờ dạy. Phần này giúp học sinh củng cố và vận dụng những lí thuyết đã học vào những bài tập cụ thể. Các bài tập này có hai nhiệm vụ ứng với hai dạng bài tập:

+ Bài tập nhận diện: giúp học sinh nhận ra hiện tượng về từ và câu cần nghiên cứu.

+ Bài tập vận dụng: tạo điều kiện cho học sinh sử dụng những đơn vị từ ngữ, ngữ pháp đã học vào các hoạt động nói năng của mình.

2.4.2. Các bước lên lớp bài lí thuyết Luyện từ và câu

Tùy vào khả năng của giáo viên, học sinh và điều kiện dạy học cụ thể, giáo viên có thể tiến hành tiến trình lên lớp bài lí thuyết về từ và câu theo tiến trình sau đây:

1. Ôn định tổ chức lớp

- Có thể cho học sinh hát một bài hát, nhắc nhở học sinh hoặc kể một câu chuyện ngắn, chơi một trò chơi, một câu đố, kiểm tra đồ dùng học tập của học sinh,...

- Thời gian: từ 1 đến 3 phút (tối đa 3 phút).

2. Kiểm tra bài cũ

- Về nội dung kiểm tra: Giáo viên kiểm tra nội dung của bài Luyện từ và câu của bài học trước.

- Cách thức kiểm tra:

+ Có thể yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi trực tiếp hoặc yêu cầu học sinh lên bảng làm các bài tập.

+ Có thể kiểm tra cá nhân hoặc nhóm hoặc cả lớp.

- Thời gian: từ 3 đến 5 phút (tối đa 5 phút).

3. Dạy bài mới

*** Bước 1: Giáo viên giới thiệu bài**

- Mục tiêu của bước này:

+ Nhằm gây sự tập trung chú ý và hứng thú hơn cho học sinh.

+ Giúp học sinh khái quát được nội dung cơ bản của bài học; giáo viên viết tên bài học lên bảng, học sinh viết tên bài học vào vở.

- Cách tiến hành:

+ Có thể dùng ngôn ngữ ngắn gọn, súc tích giới thiệu trực tiếp;

+ Có thể thông qua một bài tập hay một tình huống;

+ Có thể kết hợp tranh ảnh và hỏi đáp.

- Thời gian tối đa là 3 phút.

*** Bước 2: Hình thành khái niệm**

- Cách thức tiến hành:

+ Nêu yêu cầu trong phần nhận xét của Sách giáo khoa (SGK): Có thể giáo viên nêu hoặc học sinh nêu, tuy nhiên ưu tiên học sinh nêu. Thông thường mỗi bài gồm từ 1 đến 3 bài tập. Có những bài các bài tập được trình bày sau phần ngữ liệu cho trước, hoặc lấy ngữ liệu từ bài tập đọc, hoặc ngữ liệu thông qua các bài tập cụ thể.

+ Giáo viên yêu cầu học sinh tiến hành: Theo nhóm hoặc cá nhân để hoàn thành yêu cầu của từng bài tập.

+ Yêu cầu học sinh trả lời kết quả

+ Nhận xét và chốt lại câu trả lời đúng.

+ Nhấn mạnh những điều trọng tâm (nếu có).

(Cứ tiếp tục như vậy cho đến hết các bài tập còn lại)

+ Giáo viên chốt lại kiến thức chung và đưa ra ghi nhớ trong SGK và ghi lên bảng: Có hai cách làm:

+) Thông thường, giáo viên đưa ra câu hỏi mang tính khái quát liên quan đến nội dung của phần ghi nhớ, yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi. Sau đó, giáo viên chốt lại theo hướng ghi nhớ trong SGK.

+) Giáo viên đưa ra kết luận luôn mang tính áp đặt: chỉ thực hiện khi nội dung của phần ghi nhớ khó mà học sinh không tự khái quát lên được.

- Tổ chức cho học sinh đọc để ghi nhớ kiến thức: Đọc thành tiếng (theo trình tự: Cá nhân, nhóm, cả lớp) đến đọc thầm.

*** Bước 3: Luyện tập:** Giáo viên hướng dẫn học sinh hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của SGK.

4. Củng cố - dặn dò

- Chốt lại những kiến thức, kĩ năng cần nắm vững.

- Nhận xét tiết học.

- Nêu yêu cầu thực hành ở nhà

2.4.3. Giáo án minh họa

CÁU TẠO CỦA TIẾNG (Tiếng Việt lớp 4, Tập 1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết được cấu tạo cơ bản của tiếng gồm 3 bộ phận: âm đầu, vần, thanh.

- Biết được trong một tiếng: bộ phận vần và dấu thanh không thể thiếu, bộ phận âm đầu có thể thiếu.

2. Về kĩ năng

- Biết nhận diện các bộ phận của tiếng, từ đó có khái niệm về bộ phận vần của tiếng nói chung.

- Biết vận dụng lí thuyết về cấu tạo của tiếng để làm các bài tập thành thạo.

3. Giáo dục thái độ, tình cảm

Giáo dục học sinh có ý thức học tập tốt..

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

1. Phương pháp

Sử dụng các phương pháp: hỏi đáp, thảo luận, thực hành, quan sát.

2. Đồ dùng dạy học

- **Giáo viên (GV):** SGK, bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ cấu tạo tiếng, có ví dụ điển hình, bộ chữ cái ghép tiếng, màu sắc khác nhau.

- **Học sinh (HS):** Sách vở, bảng con, phấn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. Ổn định tổ chức (1 phút)</p> <p>- GV yêu cầu quản ca bắt nhịp cho cả lớp hát một bài.</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ (4 phút)</p> <p>- GV giới thiệu bài học Luyện từ và câu đầu tiên của chương trình lớp 4.</p> <p>- GV yêu cầu tổ trưởng kiểm tra đồ dùng, sách vở của các bạn và báo cáo.</p> <p>3. Dạy bài mới (30 phút)</p> <p>3.1. Giới thiệu bài (3 phút)</p> <p>- GV đưa ra câu chào: “Cô chào các con”. Và hỏi HS: Trong câu chào có bao nhiêu tiếng được phát ra?</p> <p>- GV yêu cầu cả lớp đứng tại chỗ thực hiện câu chào thầy/cô.</p> <p>- GV hỏi: Trong câu vừa rồi có bao nhiêu tiếng?</p> <p>- GV chốt: điểm giống nhau và khác nhau của hai câu chào để giới thiệu vào bài mới (GV yêu cầu HS mở SGK trang 6 và ghi tên bài vào vở, GV ghi đầu bài lên bảng).</p> <p>3.2. Hình thành khái niệm (15 phút)</p> <p>I. Nhận xét:</p> <p>- GV gắn tranh quả bầu lên bảng và hỏi HS: Bức tranh có quả gì?</p> <p>- Yêu cầu học sinh nhận xét.</p> <p>- GV giới thiệu về quả bầu và chủ đề câu tục ngữ.</p> <p>- GV gắn câu tục ngữ sau lên bảng: <i>“Bầu ơi thương lấy bí cùng Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc câu tục ngữ.</p> <p>- GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1, trang 6 trong SGK.</p> <p>- GV hỏi: Câu tục ngữ trên có bao nhiêu tiếng?</p> <p>- GV yêu cầu HS nhận xét.</p> <p>- GV yêu cầu 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2, trang 6 trong SGK.</p>	<p>- Cả lớp hát.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- Các tổ trưởng kiểm tra và báo cáo.</p> <p>- HS lắng nghe và 1 bạn trả lời: có 4 tiếng.</p> <p>- HS đồng thanh chào thầy cô: Chúng con chào thầy/cô ạ!</p> <p>- HS trả lời: có 5 tiếng.</p> <p>- HS lắng nghe, mở SGK và ghi đầu bài vào vở.</p> <p>- HS quan sát và trả lời: quả bầu.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS quan sát và lắng nghe.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- HS trả lời: 14 tiếng.</p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- 1 HS đọc..</p>

- GV yêu cầu HS đặt bảng con lên bàn, đánh vần thầm và ghi lại cách đánh vần tiếng bầu vào bảng con, 1 bạn lên bảng ghi lại cách đánh vần đó.

- GV yêu cầu HS giơ bảng, nhận xét và đánh vần đồng thanh tiếng bầu.

- GV yêu cầu cất bảng con và nhận xét bài làm trên bảng.

- GV hỏi: Vay tiếng bầu do những bộ phận nào tạo thành, đó cũng chính là yêu cầu của bài tập 3, trang 6 trong SGK. GV gắn sơ đồ lên bảng:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
Bầu			

- GV hỏi: Tiếng “bầu” gồm có mấy bộ phận? Đó là những bộ phận nào?

- GV Kết luận: Tiếng bầu gồm 3 bộ phận âm đầu, vần và thanh.

- GV yêu cầu HS lên bảng chỉ cụ thể các bộ phận của tiếng “bầu”.

- Giáo viên chốt và ghi các bộ phận vào sơ đồ:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
Bầu	B	âu	huyền

- GV yêu cầu HS đọc lại.

- GV yêu cầu HS kẻ bảng và phân tích các tiếng còn lại của câu tục ngữ. Hai bàn tạo thành nhóm, mỗi nhóm chọn và phân tích 1 - 2 tiếng.

- GV treo bảng phụ, gọi HS lên bảng chữa bài.

- GV hỏi: Tiếng do những bộ phận nào tạo thành?

- GV hỏi: Trong câu tục ngữ, tiếng nào có đủ các bộ phận như tiếng “bầu”?

- GV hỏi: Tiếng nào không có đủ các bộ phận như tiếng “bầu”?

- GV hỏi: Trong tiếng bộ phận nào không thể thiếu? Bộ phận nào có thể thiếu?

- GV kết luận: Mỗi tiếng thường gồm có ba bộ phận: Thanh, âm đầu và phần vần. Trong mỗi tiếng bắt buộc phải có vần và dấu thanh. Thanh ngang không được đánh dấu khi viết. Đó cũng chính là nội dung của bài học. (GV ghi kết luận lên bảng).

II. Ghi nhớ: (SGK).

- GV yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ trong SGK, trang 7.

3.3. Luyện tập (11 phút)

Bài 1: (6 phút)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1 trang 7.

- GV yêu cầu HS kẻ bảng và phân tích các tiếng vào vở theo mẫu, phân tích 2 tiếng bất kì trong câu tục ngữ.

- HS đánh vần thầm và ghi lại vào bảng con: Bờ – âu – bầu – huyền – bầu. 1 HS lên bảng ghi lại cách đánh vần của mình

- HS giơ bảng và đồng thanh đánh vần.

- HS nhận xét.

- Cả lớp lắng nghe và quan sát.

- HS trả lời: Tiếng “bầu” gồm có 3 bộ phận: âm đầu, vần, thanh.

- Học sinh lắng nghe.

- 1 HS lên bảng vừa trả lời chỉ trực tiếp vào sơ đồ từng bộ phận.

- Học sinh quan sát.

- 1 HS đọc lại.

- HS phân tích cấu tạo của từng tiếng theo yêu cầu của GV.

- Học sinh lên chữa bài.

- HS trả lời: Tiếng do âm đầu, vần và thanh tạo thành.

- HS trả lời: Các tiếng có đủ các bộ phận: thương, lầy, bí, cùng, tuy, rằng, khác, giống, nhưng, chung, một, giàn.

- HS trả lời: Tiếng “oi” chỉ có phần vần và thanh không có âm đầu.

- HS trả lời: Trong tiếng bộ phận vần và thanh không thể thiếu, bộ phận âm đầu có thể thiếu.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh đọc: cá nhân, nhóm, cả lớp.

- 1HS đọc yêu cầu, cả lớp lắng nghe.

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh lên bảng chữa bài. - GV nhận xét, đánh giá bài làm của học sinh và yêu cầu học sinh về nhà tiếp tục làm tiếp các tiếng còn lại. <p>Bài 2: (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 2 trang 7. - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và tìm ra đáp án cho câu đố, đó là chữ gì. - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả. - Giáo viên nhận xét về đáp án đúng. <p>4. Cũng cố, dặn dò (2 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học - GV yêu cầu HS nhắc lại cấu tạo của tiếng. - GV yêu cầu HS về nhà học thuộc phần ghi nhớ, chuẩn bị bài sau: <i>Luyện tập về cấu tạo của tiếng.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm vào vở. - HS lên bảng chữa bài. - Học sinh lắng nghe. - 1 HS đọc yêu cầu. - HS thảo luận và trả lời: “sao”. - HS trả lời: chữ “sao” vì để nguyên là ông sao trên trời. Bớt âm đầu S thành tiếng ao, ao là chỗ cá bơi hàng ngày. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS nhắc lại. - Học sinh lắng nghe và ghi nhớ.
---	---

3. KẾT LUẬN

Phương pháp dạy học môn Tiếng Việt nói chung, dạy học phân Luyện từ và câu nói riêng là một đề tài hấp dẫn cần tiếp tục được nghiên cứu. Việc đề xuất các đề tài nghiên cứu nhằm hướng tới mục tiêu góp phần hoàn thiện các kĩ năng dạy học bộ môn, đồng thời nâng cao hiệu quả dạy học từ thực tiễn giáo dục ở trường tiểu học hiện nay.

Sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học cần được trang bị kiến thức và kĩ năng dạy học cơ bản các môn học, trong đó có phân môn Luyện từ và câu. Trong thời gian học tập và rèn luyện ở Trường Đại học Tây Bắc, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học cần được các kĩ năng dạy học cơ bản để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, trong đó có kĩ năng dạy học kiểu bài lí thuyết trong phân môn Luyện từ và câu.

Đề tài đưa ra được tiến trình dạy học kiểu bài lí thuyết phân môn Luyện từ và câu dựa trên cơ sở khoa học của lí luận và thực tiễn, giúp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có thêm nguồn tài liệu tham khảo có giá, trị phục vụ cho quá trình hành nghề sau khi tốt nghiệp ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000). *Chương trình môn Tiếng Việt tiểu học năm 2000.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, SGK Tiếng Việt lớp 4, lớp 5, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000). *Chương trình tiểu học – 2000.* Báo Giáo dục và Thời đại, ngày 29 – 3 – 2001.
4. Hoàng Hòa Bình (1997). “*Một số vấn đề quan điểm xây dựng chương trình Tiếng Việt tiểu học cho năm 2000*”, *Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học hiện hành và Chương trình Tiếng Việt tiểu học sau năm 2000.* Kỉ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc. NXB Giáo dục.
5. Hồ Lê (1998). *Tiếng Việt ở bậc tiểu học – một cách tiếp cận.* Tạp chí giáo dục, số 4.
6. Lê Phương Nga, (chủ biên), (2011). *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*, tập 1, NXB Đại học sư phạm.
7. Lê Phương Nga, (chủ biên), (2011), *Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học 2*, NXBGD.

**ORGANIZING THE TEACHING OF THEORETICAL LESSONS IN THE MODULE OF
LEXICOLOGY (PRACTICE OF VOCABULARY AND SENTENCE) IN THE CURRENT
TEACHING PROGRAM**

Le Van Dang
Tay Bac University

***Abstract:** The organization of teaching Vietnamese language in primary schools in general and lexicology (practice vocabulary and sentence) in particular is no longer a new issue and has achieved lots of positive results. With the aim of improving the effectiveness of teaching the lexicology module for the primary education students at Tay Bac university, there a need of further studies and discussion about the teaching of this module.*

***Keywords:** Organizing the teaching, the lexicology, process of teaching.*

Ngày nhận bài: 27/11/2020. Ngày nhận đăng: 11/12/2020
Liên lạc: Lê Văn Đăng; e-mail: danglv@utb.edu.vn